

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 932/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 1926/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 932/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

QUY ĐỊNH

Quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân công, phân cấp, trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy trình thẩm tra thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Các nội dung không nêu trong Quy định này thực hiện theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng về thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng, chủ đầu tư, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình phải hợp lý về kinh tế và kỹ thuật; đảm bảo an toàn cho công trình và các công trình lân cận; đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng công trình xây dựng.

2. Công trình, hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu để đưa vào sử dụng khi đáp ứng được các yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc xây dựng do mình thực hiện trước chủ đầu tư và trước pháp luật.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng phù hợp với tính chất, quy mô và nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

5. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; kiểm tra, giám định chất lượng công trình xây dựng; kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân loại công trình, cấp công trình, cấp sự cố công trình

1. Loại công trình xây dựng bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Danh mục chi tiết các loại công trình theo Phụ lục Phân loại công trình xây dựng kèm theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

2. Cấp công trình xây dựng bao gồm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV. Phân cấp cụ thể các loại công trình xây dựng theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư 10/2013/TT-BXD và sửa đổi, bổ sung phân cấp công trình tại Thông tư 09/2014/TT-BXD.

3. Sự cố công trình bao gồm sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I, cấp II, cấp III. Hướng dẫn phân cấp sự cố công trình theo Điều 31 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thực hiện các việc sau:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

5. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận đăng ký thông tin năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng có đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cá nhân được Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề. Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong quá trình kiểm tra, xem xét quản lý thông tin tổ chức, cá nhân.

6. Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý:

a) Thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Điều 8 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

7. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình sự cố trên địa bàn tỉnh theo quy định.

8. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng có chất lượng cao, tiêu biểu trên địa bàn tỉnh tham dự giải thưởng công trình chất lượng cao, giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng.

10. Là sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh đối với các công trình dân dụng, công trình sản xuất vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật; có trách nhiệm trực tiếp thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý.

Điều 6. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác

1. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh như sau:

- a) Sở Giao thông Vận tải quản lý đối với công trình giao thông;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- c) Sở Công Thương quản lý đối với công trình công nghiệp, trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng.

2. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, cơ quan liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh;

b) Là cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm tra thiết kế theo theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này;

c) Là cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy định này. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành theo quy định tại Điều 14 Quy định này;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 10/12 hằng năm và đột xuất;

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng chuyên ngành có chất lượng cao, tiêu biểu trên địa bàn tỉnh tham dự giải thưởng công trình chất lượng cao, giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng;

e) Phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình kiểm tra, xem xét quản lý thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trong lĩnh vực chuyên ngành do mình quản lý;

g) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Thực hiện quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư thuộc phạm vi ranh giới được giao quản lý; công trình của

cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý hành chính, chuyên ngành các hoạt động tại khâu, có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng đối với các công trình do mình quản lý về chất lượng.

2. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng do mình quản lý về chất lượng.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trong phạm vi ranh giới quản lý khi được yêu cầu.

4. Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 Quy định này. Chủ trì, phối hợp với sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

5. Tổng hợp và báo cáo Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm, báo cáo đột xuất về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý về chất lượng.

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư; công trình thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã cấp giấy phép xây dựng; nhà ở riêng lẻ từ 6 tầng trở xuống; các công trình xây dựng còn lại trên địa bàn (trừ các công trình do các Bộ, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trực tiếp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và công trình do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý về chất lượng).

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP. Tổng hợp báo cáo sự cố về chất lượng công trình xây dựng về Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ theo quy định.

5. Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 12 Quy định này. Chủ trì, phối hợp với sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

6. Tổng hợp và báo cáo Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ trước ngày 10/12 hằng năm, báo cáo đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố là cơ quan chuyên môn về xây dựng giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng cho các tổ chức và nhân dân trên địa bàn.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, phát hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng cấp trên để xử lý kịp thời.

3. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

4. Báo cáo sự cố và hỗ trợ giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng thực hiện việc kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

6. Tổ chức giám sát cộng đồng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 10. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Khi phát hiện các hành vi vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng, các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng phải kịp thời yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục, đồng thời đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng. Các tổ chức, cá nhân có vi phạm ngoài việc phải chấp hành các yêu cầu khắc phục của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và chịu các hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật còn bị công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng.

2. Trong trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo

an toàn, thủ trưởng các cơ quan sau có quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình:

a) Giám đốc Sở Xây dựng có quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

b) Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng thuộc trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra định kỳ, đột xuất quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy định này;

d) Trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định tạm dừng thi công xây dựng công trình, Thủ trưởng các cơ quan nêu tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định tạm dừng thi công xây dựng công trình của mình. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạm dừng thi công còn phải báo cáo Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để theo dõi, tổng hợp;

đ) Thủ trưởng các cơ quan nêu tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc khắc phục của chủ đầu tư và các nhà thầu, quyết định cho phép tiếp tục thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Chương III

QUY TRÌNH THẨM TRA THIẾT KẾ, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

Điều 11. Các công trình thuộc đối tượng thực hiện thẩm tra thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Công trình dân dụng:

a) Nhà chung cư từ cấp III trở lên, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên;

b) Công trình công cộng từ cấp III trở lên.

2. Công trình công nghiệp: Đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumini, nhà máy xi măng từ cấp III trở lên; đối với các công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống (dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng), nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp.

3. Công trình giao thông: Cầu, hầm, đường bộ từ cấp III trở lên đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và từ cấp II trở lên đối với công trình sử dụng vốn khác; công trình đường sắt, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến

đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác không phân biệt cấp.

5. Công trình hạ tầng kỹ thuật: Từ cấp III trở lên đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và từ cấp II trở lên đối với công trình sử dụng vốn khác; riêng các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp.

Điều 12. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế (thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và các thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở) của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ công trình cấp đặc biệt, công trình cấp I, công trình quan trọng quốc gia Thủ tướng giao cho các Bộ thẩm tra, công trình do Bộ trưởng Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư; công trình thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng):

a) Sở Xây dựng thẩm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 11 Quy định này, công trình nhà máy sản xuất xi măng cấp II, cấp III;

b) Sở Giao thông Vận tải thẩm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quy định này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy định này;

d) Sở Công Thương thẩm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này, trừ công trình nhà máy sản xuất xi măng.

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ công trình cấp đặc biệt, công trình cấp I, công trình quan trọng Quốc gia Thủ tướng giao cho các Bộ kiểm tra công tác nghiệm thu, công trình do các Bộ trưởng Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư; công trình thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng):

a) Sở Xây dựng kiểm tra đối với công trình nhà máy sản xuất xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 11 Quy định này, trừ công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

b) Sở Giao thông Vận tải kiểm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quy định này, trừ công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy định này, trừ công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

d) Sở Công Thương kiểm tra đối với các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này, trừ công trình nhà máy sản xuất xi măng và công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh kiểm tra các công trình quy định tại Điều 11 Quy định này trong phạm vi ranh giới quản lý đối với các công trình sau:

- Công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong khu công nghiệp;

- Các công trình xây dựng nằm trong các khu kinh tế khi có hướng dẫn của Bộ Xây dựng (trong thời gian chưa có hướng dẫn của Bộ Xây dựng thì các cơ quan nêu tại điểm a, b, c, d Khoản này thực hiện kiểm tra theo chuyên ngành do mình quản lý).

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình quy định tại Điều 11 Quy định này đối với:

- Công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cấp III, cấp IV do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư;

- Công trình dân dụng chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cấp III không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Điều 13. Quy trình thẩm tra thiết kế

1. Hồ sơ trình thẩm tra thiết kế:

a) Thành phần hồ sơ trình thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư 13/2013/TT-BXD;

b) Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ (kèm theo file thuyết minh, bản vẽ và dự toán nếu có) theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này. Đối với nhà ở riêng lẻ (từ 7 tầng trở lên) chủ đầu tư gửi hồ sơ về Sở Xây dựng;

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định). Trường hợp thực hiện theo Khoản 3 Điều này thì văn bản thông báo đồng thời chỉ định hoặc giao chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra.

- Thời gian bắt đầu thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp thẩm tra thiết kế:

a) Nội dung thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD và Khoản 1 Điều 3 Thông tư 09/2014/TT-BXD.

b) Lập thông báo kết quả thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư 13/2013/TT-BXD và đóng dấu vào hồ sơ thiết kế đã được thẩm tra. Trong kết quả thẩm tra cần nêu rõ những nội dung chưa đạt yêu cầu cần phải sửa đổi để trình thẩm tra lại (nếu có) trước khi đóng dấu thẩm tra vào hồ sơ và giao lại cho chủ đầu tư để lưu trữ.

c) Chủ đầu tư nộp file bản vẽ và dự toán hoặc file bản chụp (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra) về cơ quan chuyên môn về xây dựng để quản lý;

d) Thời gian thẩm tra theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

3. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện để trực tiếp thẩm tra thiết kế thì thực hiện như sau :

a) Đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo bằng văn bản và chuyển trả hồ sơ trình thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra. Trong các nội dung chủ đầu tư hợp đồng tư vấn thẩm tra, phải có đủ nội dung thẩm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD;

b) Đối với công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách Nhà nước; công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung; công trình được đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP và công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định đơn vị thực hiện thẩm tra một phần hoặc toàn bộ các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD, Khoản 1 Điều 3 Thông tư 09/2014/TT-BXD và thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư và tổ chức tư vấn để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra;

c) Đơn vị tư vấn thẩm tra thực hiện thẩm tra theo Điểm b Khoản 2 Điều này và gửi kết quả thẩm tra thiết kế cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra về cơ quan chuyên môn về xây dựng để xin ý kiến về kết quả thẩm tra, gồm: văn bản xin ý kiến về kết quả thẩm tra của chủ đầu tư, thông báo kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra để đối chứng, file bản vẽ và dự toán hoặc file bản chụp (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra) để quản lý;

Tổng thời gian thực hiện thẩm tra (kể từ ngày ban hành văn bản thông báo của cơ quan chuyên môn về xây dựng đến ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra của chủ đầu tư) theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có thông báo ý kiến về kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn theo mẫu tại Phụ lục 5 Thông tư 13/2013/TT-BXD.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo kết quả thẩm

tra và ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi quyết định phê duyệt thiết kế và lưu trữ hồ sơ theo quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ đang lưu trữ này.

5. Đơn vị tư vấn thẩm tra do chủ đầu tư lựa chọn hoặc do cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định, phải có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật và đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng Cao Bằng.

6. Thời gian thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Đối với công trình thiết kế một bước (công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) và nhà ở riêng lẻ: thời gian thẩm tra không quá 20 ngày làm việc;

b) Đối với các công trình còn lại (trừ công trình cấp đặc biệt, cấp I): Thời gian thẩm tra không quá 30 ngày làm việc;

c) Tùy theo khối lượng công việc thẩm tra lại, thời gian thẩm tra lại do cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định (hoặc theo thỏa thuận hợp đồng đối với trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này) nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

7. Trường hợp trong một dự án đầu tư xây dựng có nhiều công trình xây dựng có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình của dự án, là cơ quan thực hiện thẩm tra thiết kế đối với loại công trình xây dựng chính của dự án. Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm tra có thể lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng khác nêu tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này về kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra đối với loại công trình khác thuộc dự án, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì.

8. Đối với các công trình có quy mô lớn (có nhu cầu chia ra nhiều giai đoạn thiết kế - thi công), có yếu tố công nghệ mới, có yếu tố kỹ thuật phức tạp hoặc khi chủ đầu tư có yêu cầu thì báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm tra từng hạng mục công trình trong quá trình thiết kế.

9. Thẩm tra thiết kế khi sửa chữa, cải tạo công trình và thay đổi thiết kế xây dựng công trình:

a) Thiết kế xây dựng công trình khi điều chỉnh thiết kế do thay đổi về: Địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu chính của kết cấu chịu lực chính, biện pháp tổ chức thi công làm ảnh hưởng tới an toàn chịu lực của công trình thì phải tổ chức thẩm tra lại thiết kế hạng mục thay đổi hoặc toàn bộ công trình (nếu thay đổi làm ảnh hưởng đến an toàn công trình) theo Quy định này;

b) Đối với các công trình sửa chữa, cải tạo nếu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng và có các nội dung thay

đòi nêu tại Điểm a Khoản này thì phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo Quy định này.

10. Khi thẩm tra thiết kế các công trình đường bộ trong đô thị, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng công trình về các hạng mục cây xanh, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, tuynel kỹ thuật và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đô thị khác (nếu có) để đảm bảo tính đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm chi phí, đảm bảo cảnh quan và môi trường. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc lấy ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì thẩm tra.

11. Phí thẩm tra và chi phí thẩm tra được tính trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình và được quy định như sau:

a) Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm tra một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm tra, chủ đầu tư nộp phí thẩm tra thiết kế cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi nhận kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình. Mức phí thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng);

b) Trường hợp chỉ định tổ chức, cá nhân tư vấn thực hiện thẩm tra theo quy định tại Khoản 3 Điều này, chủ đầu tư căn cứ khối lượng thẩm tra để thanh toán chi phí thẩm tra thiết kế theo quy định của Bộ Xây dựng (Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình).

Điều 14. Quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

1. Thông báo về thông tin công trình: Trong thời gian 10 ngày làm việc từ ngày khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy định này các thông tin sau: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình. Đối với nhà ở riêng lẻ (từ 7 tầng trở lên) chủ đầu tư gửi báo cáo thông tin công trình về Sở Xây dựng.

2. Kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình (kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra) tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình. Số lần kiểm tra phụ thuộc vào quy mô và tính chất kỹ thuật của công trình nhưng không quá 2 lần, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trong các trường hợp khác do chủ đầu tư đề nghị. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư.

3. Kiểm tra công trình lần cuối:

a) Trước 10 ngày làm việc so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ báo cáo hoàn thành công trình, hạng mục công trình đến cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy định này; hồ sơ gồm: Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD; danh mục hồ sơ hoàn thành công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Phụ lục 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD. Đối với nhà ở riêng lẻ (từ 7 tầng trở lên) chủ đầu tư gửi hồ sơ về Sở Xây dựng gồm: Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD, danh mục hồ sơ hoàn thành công trình nhà ở theo quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 10/2014/TT-BXD. Chủ đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ theo danh mục;

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hoàn thành công trình của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tiến hành kiểm tra theo kế hoạch, nội dung kiểm tra theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Thông tư 10/2013/TT-BXD;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với công trình cấp III, cấp IV hoặc 30 ngày làm việc đối với công trình cấp II, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng phải thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy định này về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu thì chủ đầu tư được quyền tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Cơ quan quản lý Nhà nước nêu trên chịu trách nhiệm về việc không có kết luận kiểm tra của mình.

4. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc đối tượng phải được kiểm tra của dự án và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm mời Sở Xây dựng tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu các công trình xây dựng chuyên ngành. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể mời sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra (không phân biệt loại, cấp công trình) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng về sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để theo dõi, tổng hợp.

6. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu giải trình, làm rõ về các nội dung kiểm tra hoặc

chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện việc kiểm định các bộ phận, hạng mục công trình có biểu hiện không đảm bảo chất lượng hoặc thiếu cơ sở đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu của thiết kế.

7. Cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

8. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình, bao gồm chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng, chi phí thuê cá nhân (chuyên gia) và chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu theo quy định tại Khoản 7 Điều này. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được quy định như sau:

a) Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo hướng dẫn về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính gồm chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí ở và chi phí khác phục vụ cho công tác kiểm tra (Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập);

b) Chi phí thuê chuyên gia của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm chi phí đi lại, chi phí ở và công chuyên gia (áp dụng Thông tư 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước);

c) Chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (áp dụng Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng tại Phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn);

d) Cơ quan chuyên môn về xây dựng (cơ quan chủ trì) lập dự trù chi phí kiểm tra theo quy định hiện hành bao gồm chi phí quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này. Dự trù chi phí kiểm tra là cơ sở để chủ đầu tư thanh toán các chi phí thực tế của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình kiểm tra.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 15. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý toàn diện chất lượng công trình xây dựng từ khảo sát, thiết kế đến thi công và nghiệm thu, bảo hành công trình bao gồm các công việc theo nội dung Khoản 1 Điều 2 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

2. Trong trường hợp Chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án thực hiện một hoặc một số nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 10/2013/TT-BXD thì trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn quản lý dự án được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 2 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

3. Đối với trường hợp áp dụng các hình thức hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC), hợp đồng tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình (EC), hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình (tổng thầu C), hợp đồng tổng thầu thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ (tổng thầu EP), hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu PC), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), đối tác công tư (PPP) việc phân định trách nhiệm của các bên được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

4. Thực hiện thông báo khởi công công trình, cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của các nhà thầu, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc khảo sát do mình thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

2. Nhà thầu thiết kế xây dựng: Chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ thiết kế do mình thực hiện, thực hiện giám sát tác giả theo quy định tại Điều 15, Điều 19, Điều 28 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

3. Các nhà thầu về thẩm tra thiết kế, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng nội dung công việc thẩm tra thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, giám định chất lượng công trình do mình thực hiện theo quy định.

4. Nhà thầu thi công xây dựng: Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình xây dựng do mình thi công và thực hiện quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 25 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 29 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 38 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

5. Nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu

kiện sử dụng cho công trình xây dựng: Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng cung cấp cho công trình và theo quy định tại Điều 26 Nghị định 15/2013/NĐ-CP. Nhà thầu cung ứng thiết bị bảo hành thiết bị theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

6. Nhà thầu giám sát khảo sát, giám sát thi công xây dựng: Chịu trách nhiệm về các nội dung công việc do mình thực hiện và thực hiện giám sát theo quy định tại Điều 16, Điều 27 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

7. Các tổ chức hoạt động xây dựng có đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cá nhân được Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề có nhu cầu có thể lập hồ sơ kê khai năng lực theo quy định của pháp luật, đăng ký với Sở Xây dựng để được xem xét công bố thông tin năng lực theo quy định tại Điều 8 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

Điều 17. Giám sát nhân dân về chất lượng công trình xây dựng

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình xây dựng hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

2. Chủ đầu tư, cơ quan tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Trong thời gian chưa có hướng dẫn của Bộ Công An, Bộ Quốc phòng về quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh căn cứ tính chất công trình có thể xem xét quyết định áp dụng quy định này đối với công trình do mình quản lý.

2. Trước khi Quy định này có hiệu lực, nếu Chủ đầu tư đã gửi hồ sơ báo cáo hoàn thành công trình về các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành thì các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định.

3. Việc xử lý chuyển tiếp đối với nội dung khác được thực hiện theo các quy định về chuyển tiếp tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP, Thông tư 10/2013/TT-BXD, Thông tư 13/2013/TT-BXD, Thông tư 09/2014/TT-BXD và Thông tư 10/2014/TT-BXD.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng có trách nhiệm soạn thảo quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết trình Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh ký công bố theo quy định.

2. Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy định này tới Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân.

3. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân công, phân cấp tại Quy định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu cơ quan Nhà nước cấp trên ban hành văn bản có sửa đổi, bổ sung hoặc quy định khác nội dung Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cấp trên ban hành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh